



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

NĂM 2012

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG



Nguyễn Văn Bang

Căn cứ vào:

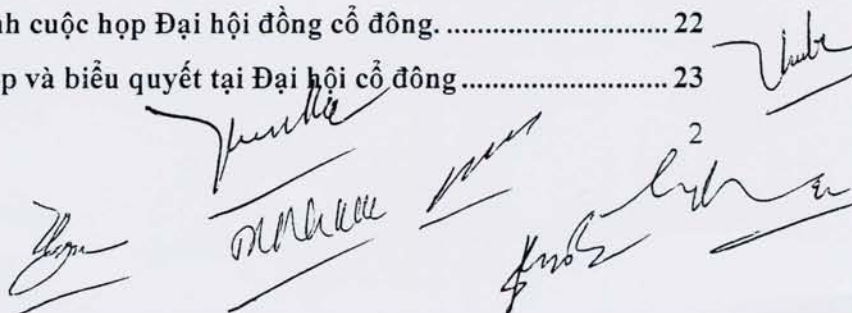
- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị định số: 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc “Chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần”;
- Căn cứ Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/1/2007 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty niêm yết.
- Quyết định số 1425/QĐ-CTT ngày 14/07/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh thành Công ty cổ phần Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh.
- Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ I ngày 10/3/2006, Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ II ngày 09/02/2007, Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ III ngày 20/03/2008, Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ IV ngày 15/04/2009.

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long, dưới đây gọi tắt là “Công ty”, được thông qua hợp lệ tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2012 trên cơ sở kế thừa bản Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty vào ngày 28 tháng 01 năm 2005 và được sửa đổi, bổ sung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ I ngày 10/3/2006, lần thứ II ngày 09/02/2007, lần thứ III ngày 20/3/2008, lần thứ IV ngày 15/04/2009, lần thứ V ngày 30/3/2010. Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với các quy định của Pháp luật là những quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

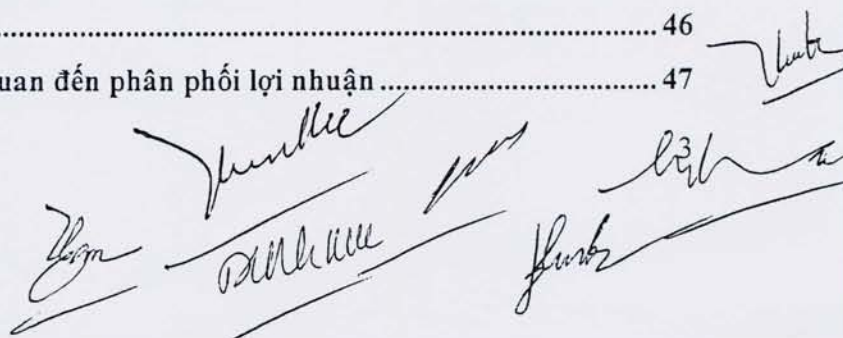
[Signatures]

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.	QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	5
Điều 2	Tên, hình thức hoạt động, địa chỉ của Công ty.....	6
Điều 3	Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty.....	6
Điều 4	Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty.....	7
Điều 5	Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	7
CHƯƠNG II.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	7
Điều 6	Quyền của Công ty.....	7
Điều 7	Nghĩa vụ của Công ty.....	9
CHƯƠNG III.	VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN	9
Điều 8	Vốn điều lệ.....	9
Điều 9	Cổ phần.	10
Điều 10	Chứng chỉ cổ phiếu/Giấy chứng nhận cổ đông.....	10
Điều 11	Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 12	Thừa kế cổ phần.	11
Điều 13	Phát hành cổ phiếu.....	12
Điều 14	Thu hồi cổ phần.....	12
CHƯƠNG IV.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 15	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	13
CHƯƠNG V.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 16	Quyền của Cổ đông	13
Điều 17	Nghĩa vụ của Cổ đông	15
Điều 18	Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 19	Nhiệm vụ quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.	17
Điều 20	Các Đại diện được ủy quyền.....	19
Điều 21	Thay đổi các quyền:	20
Điều 22	Thê thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và thông báo họp Đại hội cổ đông.....	21
Điều 23	Các điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	22
Điều 24	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.....	23



Điều 25	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 26	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 27	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 28	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VI.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 29	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 30	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.	33
CHƯƠNG VII.	GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	37
Điều 33	Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 34	Cán bộ quản lý.....	37
Điều 35	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	38
Điều 36	Thư ký Công ty	39
CHƯƠNG VIII.	NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC & CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	40
Điều 37	Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và nhân viên quản lý.....	40
Điều 38	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 39	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	42
CHƯƠNG IX.	BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 40	Thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 41	Ban kiểm soát.....	44
CHƯƠNG X.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	45
Điều 42	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
CHƯƠNG XI.	CÔNG NHÂN VIÊN & CÔNG ĐOÀN	46
Điều 43	Công nhân viên và Công đoàn.	46
CHƯƠNG XII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	46
Điều 44	Cổ tức.....	46
Điều 45	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	47



CHƯƠNG XIII.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	47
Điều 46	Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 47	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	48
Điều 48	Năm tài chính.....	48
Điều 49	Hệ thống kế toán.....	48
CHƯƠNG XIV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	48
Điều 50	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	48
Điều 51	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	49
CHƯƠNG XV.	CHƯƠNG KIỂM TOÁN CÔNG TY	49
Điều 52	Kiểm toán	49
CHƯƠNG XVI.	CON DẤU	50
Điều 53	Con dấu.	50
CHƯƠNG XVII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG & THANH LÝ	50
Điều 54	Chấm dứt hoạt động.....	50
Điều 55	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	50
Điều 56	Gia hạn hoạt động	51
Điều 57	Thanh lý.	51
CHƯƠNG XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 58	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	52
Điều 59	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	52
CHƯƠNG XX.	NGÀY HIỆU LỰC	54
Điều 60	Hiệu lực của Điều lệ.....	54

The bottom of the page contains several handwritten signatures in black ink. There are approximately seven distinct signatures, some with horizontal lines underneath them, likely representing the approval of the board members and the legal representative of the company.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

Trong Điều lệ này, trừ trường hợp trong điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này
2. "Pháp luật" là các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành vào từng thời điểm.
3. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
4. "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. "Vốn điều lệ" là vốn góp của Cổ đông tại từng thời điểm, được ghi nhận vào Điều lệ của Công ty và được đăng ký với cơ quan cấp giấy phép kinh doanh.
6. "Cổ đông" là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.
7. "Cổ phần phổ thông" là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.
8. "Cổ đông phổ thông" là người sở hữu cổ phần phổ thông.
9. "Cổ phần ưu đãi biểu quyết, Cổ phần ưu đãi cổ tức, Cổ phần ưu đãi hoàn lại" là các loại cổ phần được định nghĩa theo quy định tương ứng tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp.
10. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các nhân viên khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm nhân viên quản lý của Công ty.
11. "Những người liên quan" là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào được quy định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
12. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
13. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Điều 2 Tên, hình thức hoạt động, địa chỉ của Công ty.

1. Tên gọi (đầy đủ): Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long.
 - Tên giao dịch đối ngoại: **CUULONG SEAPRODUCTS COMPANY.**
 - Tên viết tắt: **CUULONG SEAPRO.**
 - Biểu tượng (logo):



2. Hình thức hoạt động Công ty là Công ty cổ phần và có tư cách pháp nhân phù hợp theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Địa chỉ của Công ty.
 - a. Trụ sở chính: 36 đường Bạch Đằng, phường 4, TP Trà Vinh.
 - Điện thoại: (074) 3852321-3852236-3852465 Fax: (074) 3852078
 - E. mail: ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn
 - b. Văn phòng liên lạc: số 7A Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (08) 38269680 Fax: (08) 39400394
 - E-mail: cuulongseapro@hcm.fpt.vn
4. Tổng giám đốc là đại diện theo Pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3 Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Mục tiêu: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên cơ sở huy động, bảo toàn và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông; tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty và làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
2. Phạm vi: Công ty thực hiện hoạt động SXKD trong các lĩnh vực sau:
 - Thu mua, nuôi trồng và chế biến các mặt hàng thủy sản, nông súc sản
 - Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản, nông súc sản

(Handwritten signatures)

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

- Sản xuất và kinh doanh các loại giống thủy sản, thức ăn thủy sản
 - Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước
 - Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tải và kho bãi; dịch vụ kiểm nghiệm và các dịch vụ khác.
3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 4 Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty.

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ Pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để giám sát, điều hành hoạt động của Công ty; bầu Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát việc quản lý điều hành Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
4. Người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 5 Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty công nhận và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức này hoạt động.

CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Công ty có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp; bao gồm những nội dung cụ thể như sau:

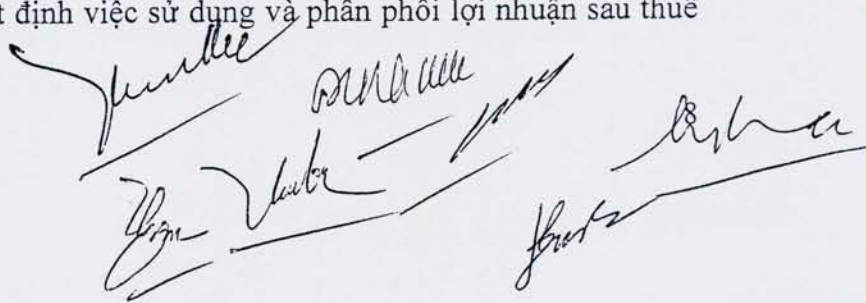
Điều 6 Quyền của Công ty.

1. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp; đất đai được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
2. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư và quy mô



kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

3. Chủ động tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị thành viên phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
4. Chủ động đổi mới công nghệ và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
5. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp quy định của Pháp luật.
6. Quyết định giá mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ, trừ những sản phẩm và dịch vụ do nhà nước định giá.
7. Tuyển chọn, thuê mướn, đào tạo, bố trí sử dụng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Pháp luật.
8. Được bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của Pháp luật.
9. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
10. Mời và tiếp khách nước ngoài, cử cán bộ nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương hợp tác của Công ty và quy định của Pháp luật.
11. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.
12. Phát hành, chuyển nhượng, mua bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật.
13. Định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty. Được thế chấp, cầm cố giá trị quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định của Pháp luật.
14. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định việc sử dụng và phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

15. Hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và những ưu đãi khác theo quy định của Pháp luật.

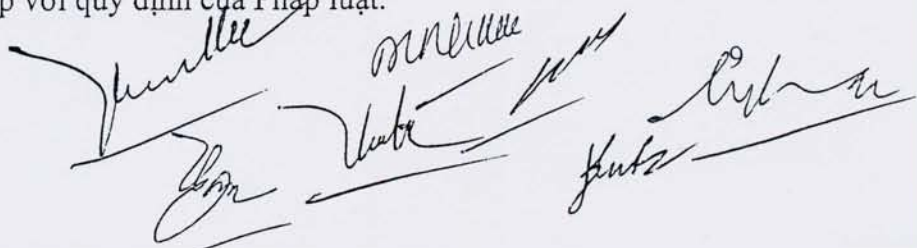
Điều 7 Nghĩa vụ của Công ty.

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng và Pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác kinh doanh. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Pháp luật.
4. Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và phòng cháy chữa cháy.
5. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Pháp luật.
6. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ kiểm toán; thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Công ty. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật.
7. Kế thừa các khoản phải thu, phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập.
8. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của Pháp luật.
9. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đối với khách hàng và các chủ nợ trong phạm vi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN

Điều 8 Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 (tám mươi tỷ) đồng.
2. Vốn điều lệ của Công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã quy định. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của Pháp luật.



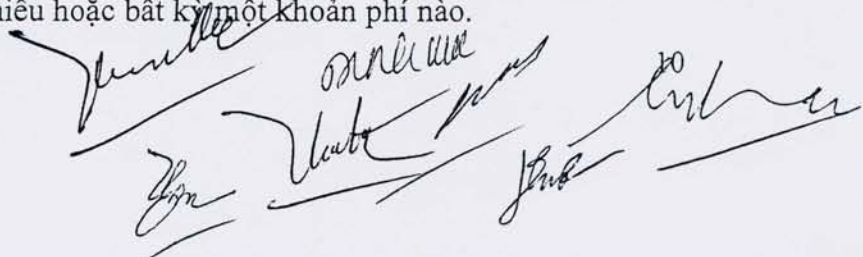
3. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định không trái với Pháp luật.

Điều 9 Cổ phần.

1. Tổng số vốn điều lệ nêu trên của Công ty được chia thành 8.000.000 (tám triệu) cổ phần bằng nhau. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 (mười ngàn) đồng.
2. Tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.
3. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác phù hợp với quy định của Pháp luật. Việc phát hành cổ phần do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
5. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 10 Chứng chỉ cổ phiếu/Giấy chứng nhận cổ đông.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu/giấy chứng nhận cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu của Công ty có thể gồm: cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.
2. Mọi cổ phiếu/giấy chứng nhận cổ đông đều có chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu của Công ty, ghi rõ số cổ phần và loại cổ phần mà người sở hữu đang nắm giữ; nếu là cổ phiếu ghi tên phải ghi rõ họ tên người sở hữu. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Mọi cổ đông đều sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu/giấy chứng nhận cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ khi mua hoặc khi nhận chuyển nhượng. (trong một số trường hợp thời hạn này có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí nào.

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. There are also some faint, illegible stamps or markings, including what appears to be a circular stamp with the word "AN" inside, and some scribbled lines and numbers like "10".

4. Nếu cổ phiếu/giấy chứng nhận cổ đông của cổ đông bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị tiêu hủy; cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu khác thay thế và phải nộp phí theo quy định của Hội đồng quản trị.
5. Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.
6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.
7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

Điều 11 Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng phải được thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
2. Cổ phiếu Công ty nếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 12 Thừa kế cổ phần.

1. Trường hợp cổ đông cá nhân qua đời, Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo quy định của Pháp luật; nhưng không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm về tài sản liên quan đến cổ phần của người này. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì



họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất, bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. Cổ phần thừa kế có thể được tách riêng cho từng người theo yêu cầu của tất cả những người thừa kế và họ phải trả chi phí theo quy định của Hội đồng quản trị.

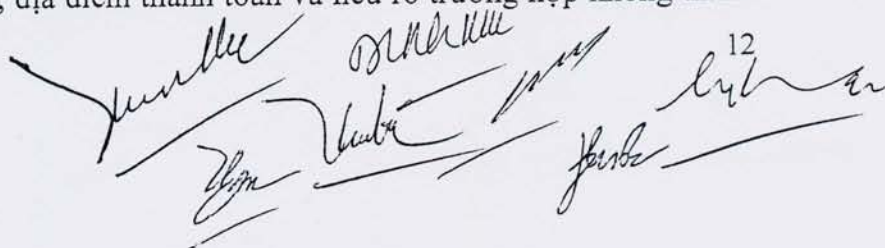
2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức do thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì pháp nhân/tổ chức mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và có văn bản cử người đại diện.
3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

Điều 13 Phát hành cổ phiếu.

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.
2. Bất kỳ cổ phần mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán ưu tiên cho các cổ đông hiện thời theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông vào thời điểm đó. Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (tối thiểu phải 20 ngày làm việc) để cổ đông đặt mua. Số cổ phần nào không được các cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo điều kiện thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán trước đây cho các cổ đông, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 14 Thu hồi cổ phần.

1. Bất kỳ mọi cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần, Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất cứ lúc nào, yêu cầu thanh toán số tiền chưa trả cùng với lãi suất bằng lãi tiền vay quá hạn lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra.
2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trường hợp không thanh



toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu yêu cầu thanh toán không được thực hiện trong thời hạn thông báo, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa được thanh toán và cổ tức tương ứng đã được công bố nhưng chưa chi trả (nếu có). Quyết định về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể sẽ được chào bán hoặc xử lý theo phương thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (tương đương lãi suất Ngân hàng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15 Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

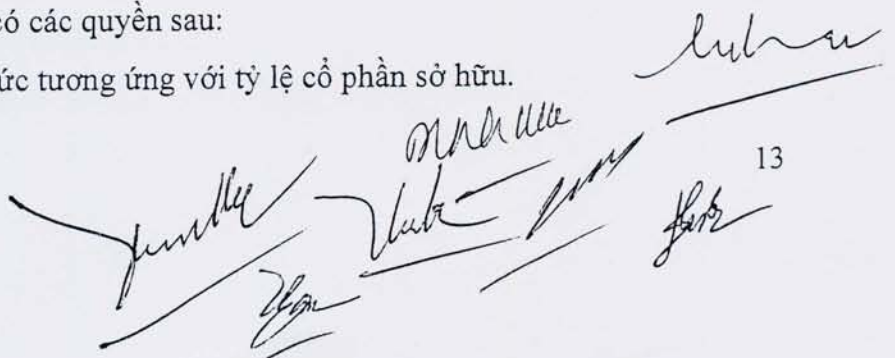
CHƯƠNG V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà mình sở hữu. Cụ thể:

Điều 16 Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Được nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu.



- b. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
 - c. Được cầm cố cổ phiếu để bảo đảm các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của mình theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
 - d. Khi Công ty phát hành thêm cổ phần hoặc bán thêm cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước, được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mình.
 - e. Được nhận thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của Công ty. Được kiểm tra các thông tin về bản thân trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi nếu không chính xác. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động có liên quan đến quyền lợi của mình theo quy định của Pháp luật.
 - f. Trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động theo điều 54 của Điều lệ này, được chia tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác.
 - g. Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại khoản 1 điều 90 của Luật Doanh nghiệp.
 - h. Được tham dự hoặc cử đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc cử đại diện phải tuân thủ các quy định tại điều 20 của Điều lệ này.
 - i. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - j. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - k. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi có các quyền tương ứng theo quy định của Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 6 tháng trở lên, có quyền:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 29.2 và Điều 40.2;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có

quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến quản trị, quản lý và điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

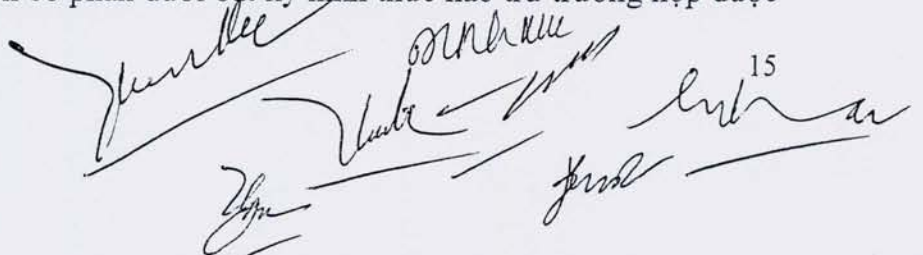
e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phiếu số lượng cổ phiếu sau đây trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề cử số lượng ứng viên tương ứng:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên.
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

Điều 17 Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thanh toán tiền mua cổ phần theo quy định và thủ tục do Hội đồng quản trị yêu cầu.
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định và quy chế của Hội đồng quản trị.
3. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được



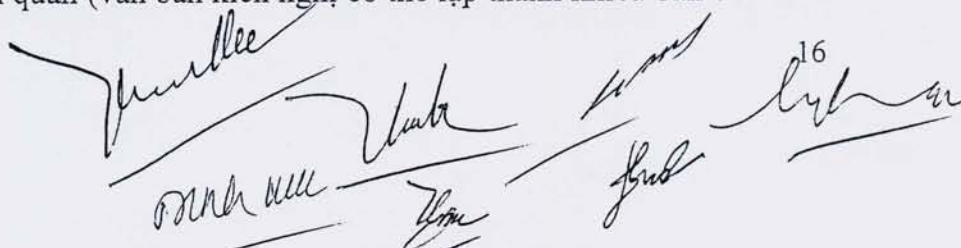
15

Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và Pháp luật quy định.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 18 Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ



chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi ngày) tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi ngày) tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 19 Nhiệm vụ quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

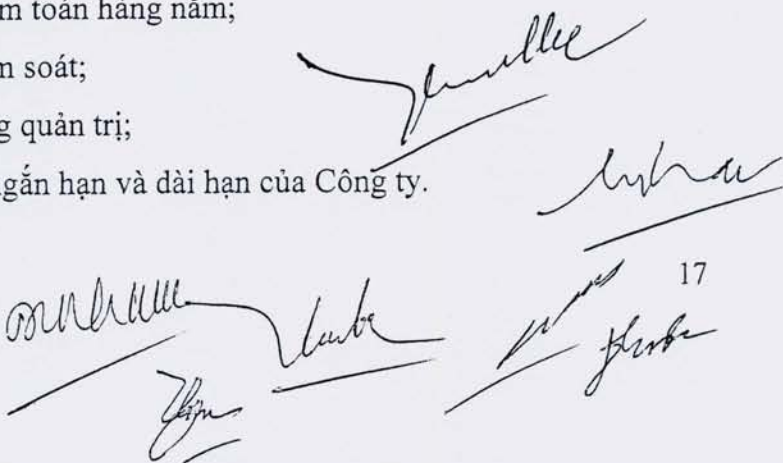
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có thẩm quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

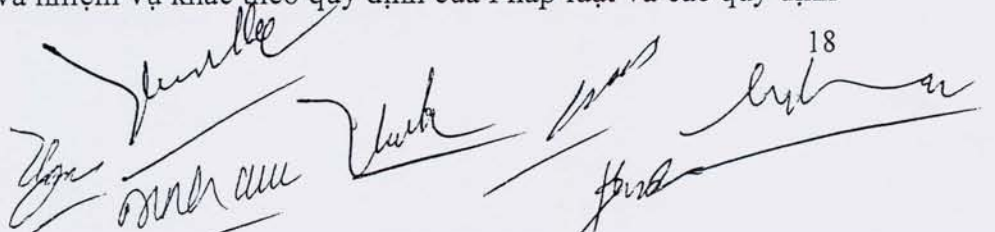
c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.



Handwritten signatures of the board members and the auditor, including the signature of the Chairman of the Board (Nguyễn Văn Hùng) and the Auditor (Nguyễn Văn Hùng).

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:
- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận.
 - b. Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm đối với mỗi loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
 - d. Quyết định việc tăng, giảm Vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần.
 - e. Quyết định việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu.
 - f. Quyết định việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất Công ty, hoặc tham gia liên doanh.
 - g. Quyết định việc chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý Công ty và quyết định việc thành lập Hội đồng thanh lý Công ty.
 - h. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - i. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và phê chuẩn việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của Hội đồng quản trị.
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - k. Ấn định mức thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - l. Quyết định các giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc việc đầu tư có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành.
 - n. Quyết định việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất
 - p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và các quy định



18

khác của Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20 Các Đại diện được ủy quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:



- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21 Thay đổi các quyền:

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 19.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi ngày) sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23 và Điều 25 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.



Điều 22 Thể thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp
3. Thông báo phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp và kèm theo chương trình, thông tin đầy đủ về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông
4. Việc đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông của các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này,



phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai mạc. Đề xuất phải bao gồm tên các cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, nội dung các vấn đề đề nghị đưa vào chương trình họp. Khi nhận được đề xuất, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải đưa nội dung đó vào chương trình họp.

5. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 nêu trên, nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đến đúng hạn.
 - b. Vào thời điểm đề xuất cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ điều kiện về cổ phần như khoản 3 điều 16 của Điều lệ này.
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
 - d. Vấn đề được đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.
6. Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập (nếu cuộc họp không do Hội đồng quản trị triệu tập) phải dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình cuộc họp.
7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 23 Các điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông phải bầu Ban thư ký và Ban giám sát bầu cử theo đề cử của Chủ tọa cuộc họp.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số cổ đông và các đại diện được uỷ quyền có mặt đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Nếu không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được tạm hoãn và phải triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc cuộc họp lần 1. Cuộc họp lần 2 chỉ được tiến hành khi số cổ đông và các đại diện được uỷ quyền có mặt đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.



4. Trường hợp cuộc họp lần 2 này vẫn không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc, Cuộc họp vẫn phải được tạm hoãn và phải triệu tập lại trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc cuộc họp lần 2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần 3 này, sẽ được tiến hành không lệ thuộc vào số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự. Tất cả các cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.
5. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

Điều 24 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng

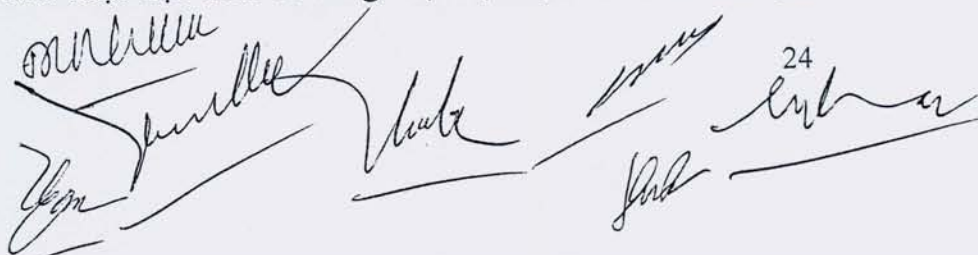


cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; hoặc
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia



Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
 - c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 25 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.

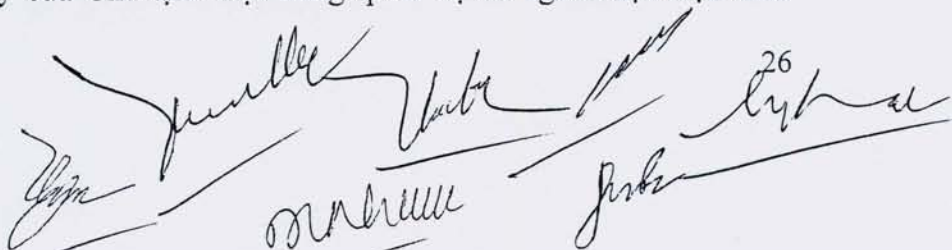


2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26 Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo



pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 27 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 28 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu số cổ phần như quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ này có quyền đề cử số lượng ứng viên



28

- tương ứng để Đại hội cổ đông xem xét bầu vào chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

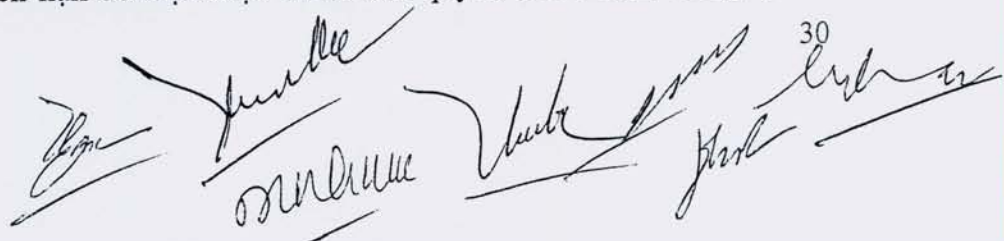


Điều 30 Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
2. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc Công ty theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày

Điều 31 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

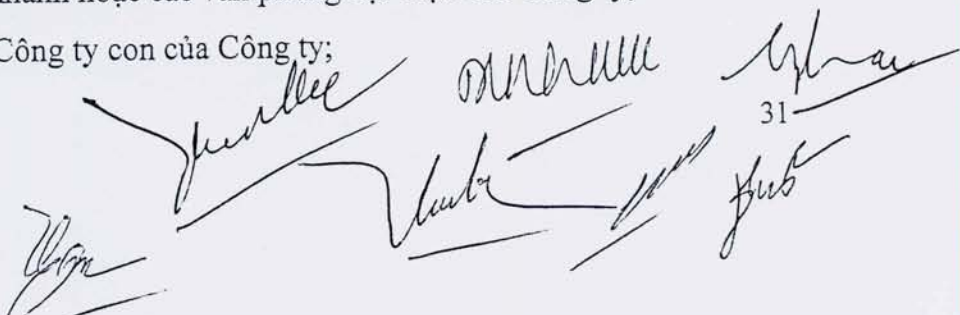
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ



30

những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;



31

- c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.



Handwritten signatures of the board members, including a signature with the number 32 below it.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Cuộc họp thường kỳ: cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó, Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ 3 tháng một lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa 2 kỳ họp không quá 5 tháng.
2. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp trong vòng 2 tuần



sau khi nhận được yêu cầu, những người yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp này Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty
5. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết. Thông báo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (năm) ngày trước ngày dự định họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.
8. Biểu quyết:
 - a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên thay thế có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản



trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 38 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp (bao gồm thành viên thay thế và thành viên vắng mặt có biểu quyết bằng văn bản) đồng ý. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.

9. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan

10. Bỏ phiếu của thành viên vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Hội đồng quản trị ít nhất 1 giờ đồng hồ trước giờ dự kiến khai mạc cuộc họp.

11. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;



b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

12. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

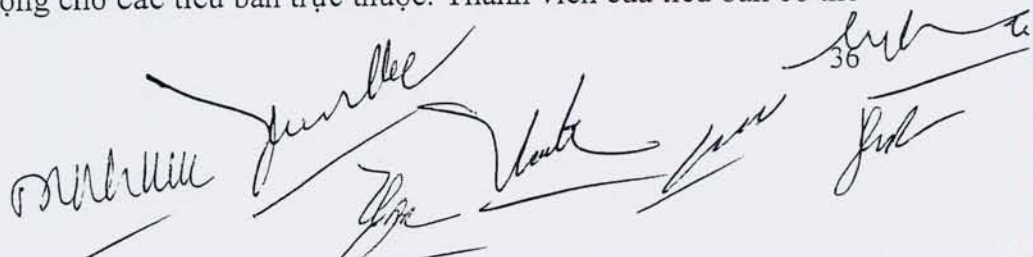
13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi toàn thể thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng; và thỏa mãn điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp:

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng một số bản sao của một văn bản, nếu mỗi bản sao được ký bởi một hoặc nhiều thành viên. Các bản sao này có thể là bản fax.

14. Biên bản: biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được lập và phải gửi tới các thành viên Hội đồng. Biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và là bằng chứng về các công việc đã tiến hành tại cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Những người được mời dự bổ sung: Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác, kiểm toán viên độc lập và các chuyên viên khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị nhưng không được quyền biểu quyết trừ khi họ tự mình có quyền được biểu quyết với tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page, including a large signature on the left, a signature in the center, and a signature on the right with the number 36 written above it.

gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót

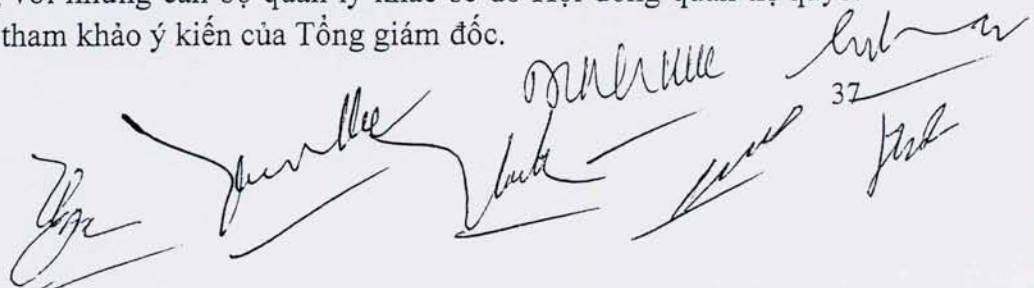
CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33 Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

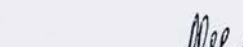
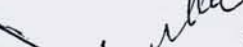
Điều 34 Cán bộ quản lý

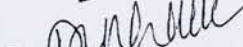
1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.



Điều 35 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 30 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 3 (ba) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản
3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế



- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC & CÁN BỘ QUẢN LÝ.

Điều 37 Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và nhân viên quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và nhân viên quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự

Điều 38 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác thực hiện mọi quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán và có tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác:
 - không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân
 - không được sử dụng địa vị, quyền hạn hay các thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
 - không được sử dụng tài sản của Công ty nhằm mục đích thu lợi riêng cho bản thân, cho những người liên quan hay phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ lợi ích tiềm tàng nào có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty mà họ có thể có được ở các pháp nhân



kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy xét vấn đề này.

4. Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, nhân viên quản lý, những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác hoặc những người có liên quan của họ không được phép mua bán hoặc giao



dịch các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết được những thông tin này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cần sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 39 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cần và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40 Thành viên Ban kiểm soát

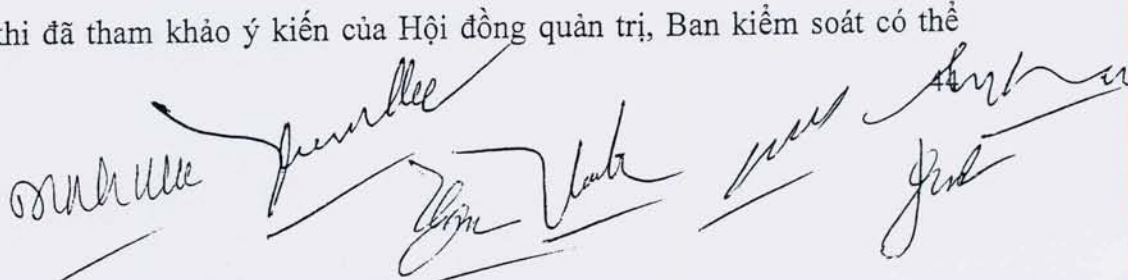
1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất 1(một) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần theo quy định tại khoản điều 16 Điều lệ này, có quyền đề cử ứng viên ứng cử thành viên Ban kiểm soát để Đại hội cổ đông xem xét bầu vào Ban kiểm soát theo đúng quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát

không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41 Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể



ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ được Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn đề xuất của Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XI. CÔNG NHÂN VIÊN & CÔNG ĐOÀN

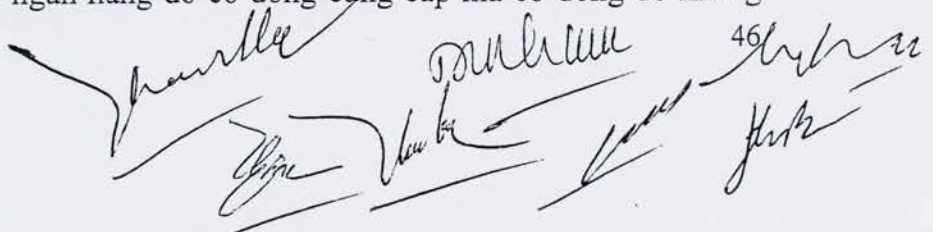
Điều 43 Công nhân viên và Công đoàn.

Tổng giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các nhân viên quản lý và nhân viên của Công ty cũng như quan hệ của Công ty với bất kỳ tổ chức Công đoàn được công nhận nào theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44 Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không



nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

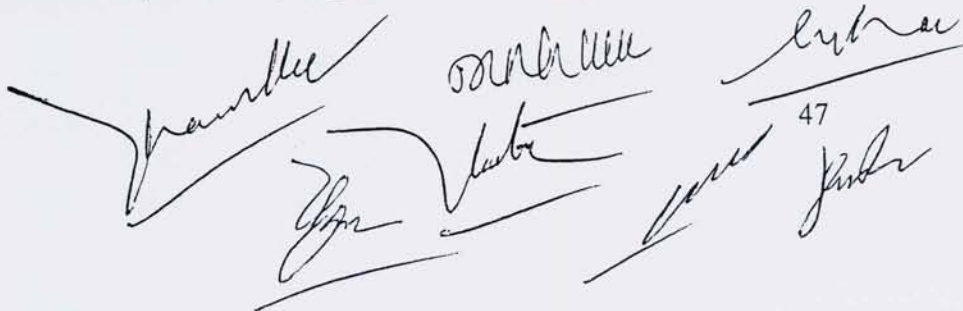
Điều 45 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.

Điều 46 Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản



47

Điều 47 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 48 Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 của năm đó.

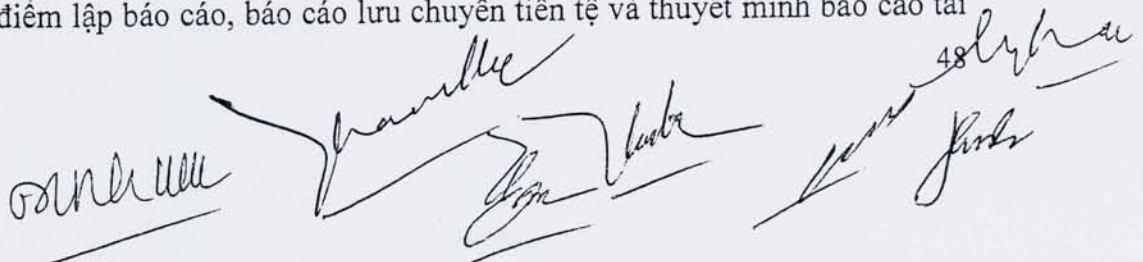
Điều 49 Hệ thống kế toán.

1. Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Sổ sách kế toán, hồ sơ kế toán được lập bằng tiếng Việt và được lưu giữ theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và đầy đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài



chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

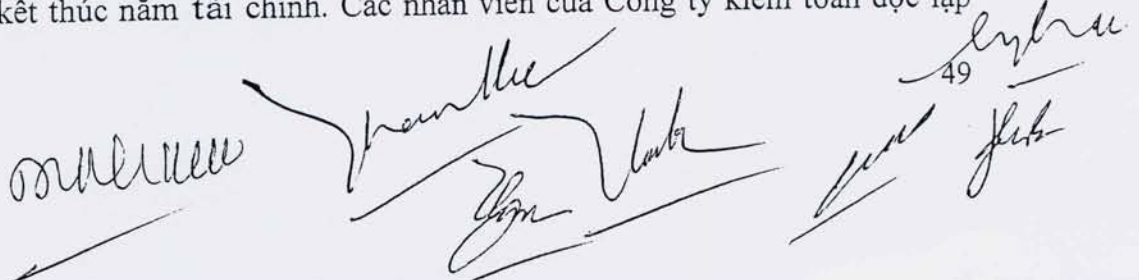
Điều 51 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV. CHƯƠNG KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52 Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập



49

thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 53 Con dấu.

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định của Pháp luật và được đăng ký tại cơ quan thẩm quyền trước khi sử dụng.
2. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật.

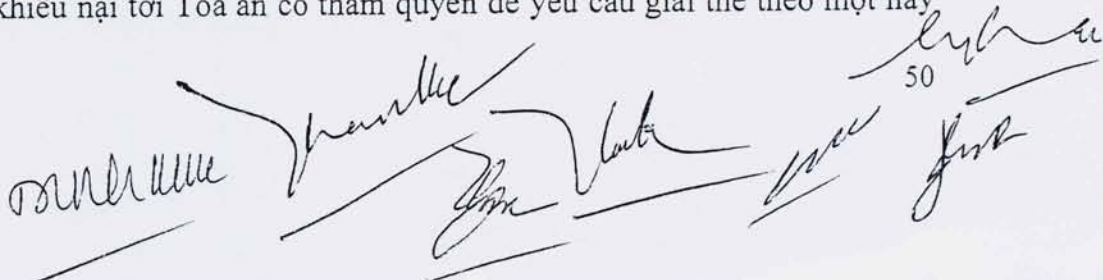
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG & THANH LÝ

Điều 54 Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Bị tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của Pháp luật.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp pháp luật có yêu cầu.

Điều 55 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải thể theo một hay


50

một số các căn cứ sau:

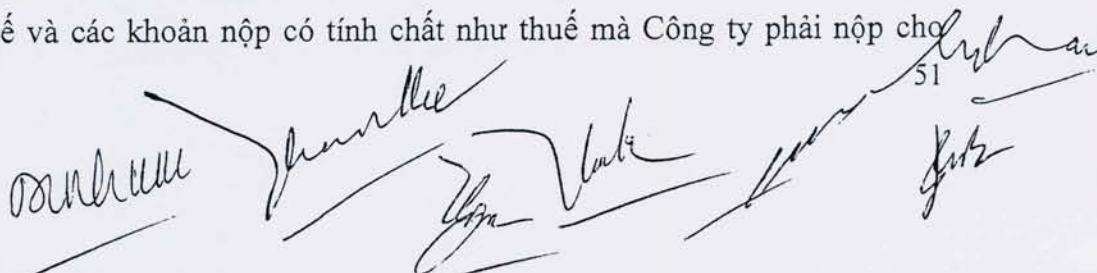
1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 56 Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57 Thanh lý.

1. Tối thiểu 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ công tác thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý.
 - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
 - Thuế và các khoản nộp có tính chất như thuế mà Công ty phải nộp cho



Nhà nước.

- Các khoản vay có bảo đảm.
- Các khoản nợ khác của Công ty.
- Phần còn lại sau khi đã thanh toán các khoản trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58 Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay đến quyền của các cổ đông, phát sinh từ Điều lệ hay từ bất kỳ quyền và nghĩa vụ do Pháp luật quy định, giữa:
 - a. Cổ đông và Công ty, hoặc
 - b. Cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay nhân viên quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp và yêu cầu các bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch hội đồng quản trị, thì bất kỳ bên nào đều có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để làm trung gian hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không đạt được hòa giải nào trong vòng 60 ngày kể từ ngày bắt đầu hòa giải, hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế, Tòa án kinh tế.
3. Các bên tranh chấp sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào chịu.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét



Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

quyết định, trừ trường hợp sửa đổi số liệu về vốn điều lệ sau khi tăng vốn theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

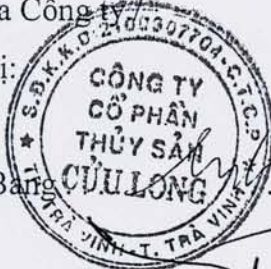


CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60 Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 20 chương 60 Điều, được thông qua một cách hợp lệ và được chấp thuận hiệu lực toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 17/04/2012, được tổ chức tại trụ sở Công ty.
2. Các bản sao, trích lục điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất của 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 (một) bản nộp đăng ký tại cơ quan công chứng nhà nước.
 - 05 (năm) bản nộp đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.
 - 04 (bốn) bản lưu tại trụ sở chính của Công ty.

Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Văn Bang 
2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Trần Thanh Lễ
3. Ủy viên Hội đồng quản trị Diệp Công Phước
4. Ủy viên Hội đồng quản trị Trương Thanh Tân
5. Ủy viên Hội đồng quản trị Lê Thanh Bình
6. Ủy viên Hội đồng quản trị Trần Thị Thu Trà
7. Ủy viên Hội đồng quản trị Đỗ Lan Hương

